| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN GÒ DẦU**<br>**TỈNH TÂY NINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – H phúc** |

Bản án số: 14/2019/DS-ST
Ngày: 02-5-2019
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Vui.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Văn Ninh

2. Ông Thái Kim Thành

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Lê Đình Văn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu tham gia phiên tòa:*** Ông Dương Nguyên Khang - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 5 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 273/2018/TLST-DS ngày 10 tháng 12 năm 2018 về "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2019/QĐXXST-DS ngày 10 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị B, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Tổ 1, ấp R, xã T, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn*: Chị Hồ Thị H, sinh năm 1970.

- *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:* Anh Hồ Văn L, sinh năm 1969.

Cùng địa chỉ: Tổ 1, ấp T, xã Th, huyện G, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của anh L: Chị Hồ Thị H.

Tất cả có mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Đặng Thị B trình bày:* Chị yêu cầu chị H và anh L trả lại tiền nợ gốc là 260.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi suất.

Do cả hai quen biết làm ăn qua lại với nhau nên chị có cho chị H và anh L vay các lần như sau: Ngày 30/10/2017 âm lịch vay 80.000.000 đồng, ngày 02/11/2017 dương lịch vay 50.000.000 đồng, ngày 03/11/2017 âm lịch vay

50.000.000 đồng và ngày 05/11/2017 âm lịch vay 80.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền vay là 260.000.000 đồng, khi vay hai bên có làm giấy nợ do vợ chồng chị H ký tên, thỏa thuận mỗi lần vay thời hạn 30 ngày, không thỏa thuận lãi suất. Khi đến hạn chị H không trả và chị có đến đòi nhiều lần nhưng vợ chồng chị H vẫn không trả, sau đó chị có khởi kiện Tòa án 02 lần, khi Tòa án hòa giải chị H hứa trả và có làm tờ cam kết, chị đồng ý. Tuy nhiên sau đó chị H vẫn không trả theo đúng cam kết.

*Bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, chị Hồ Thị H trình bày:* Chị thừa nhận chị và anh L có vay của chị B số tiền nợ gốc là 260.000.000 đồng. Tuy nhiên các lần vay và ngày tháng vay đúng như chị B trình bày nhưng thực tế vay vào năm 2012 không phải năm 2017, hai bên có thỏa thuận miệng lãi suất 9%/ tháng và chị đã trả lãi cho chị B cụ thể như sau:

- Số tiền 80.000.000 đồng chị đã trả từ ngày 30/10/2012 đến 30/9/2017 với số tiền 417.600.000 đồng.

- Số tiền 50.000.000 đồng chị đã trả từ ngày 02/11/2012 đến 30/9/2017 với số tiền 256.500.000 đồng.

- Số tiền 50.000.000 đồng chị đã trả từ ngày 03/11/2012 đến 30/9/2017 với số tiền 256.500.000 đồng.

- Số tiền 80.000.000 đồng chị đã trả từ ngày 05/11/2012 đến 30/9/2017 với số tiền 410.400.000 đồng.

Tổng cộng tiền lãi mà chị đã trả cho chị B là 1.341.000.000 (Một tỷ ba trăm bốn mươi mốt ngàn) đồng.

Thực tế số tiền vay trên, chị vay dùm cho anh Cao Văn Thanh và chị Nguyễn Thị Hồng nhưng chị thừa nhận trách nhiệm trả nợ cho chị B là của vợ chồng chị và do anh Thanh chị Hồng không trả nên chị đã khởi kiện. Chính vì vậy chị không có tiền trả nên đợi đến khi nào chị Hồng và anh Thanh trả tiền cho chị thì chị trả cho chị B. Tại phiên tòa chị H cho rằng chỉ còn nợ 250.000.000 đồng do trước đây chị đã trả cho chị B được 10.000.000 đồng. Tuy nhiên khoản lãi suất mà chị đã trả cho chị B là quá cao so với quy định của pháp luật, do đó khấu trừ vào tiền vốn xem như chị không còn nợ chị B, phần tiền còn thừa chị không yêu cầu chị B trả lại.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc giải quyết vụ án: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án:

- Đối với yêu cầu của chị B tại đơn khởi kiện ngày 28/9/2018 và bản tự khai ngày 10/12/2018: Xét thấy tại bản tự khai ngày 21/12/2018, biên bản ghi lời khai ngày 18 và 25/3/2019 của chị H, có cơ sở xác định chị H và anh L là người trực tiếp ký tên vào biên nhận thừa nhận số nợ mượn 04 lần tổng cộng 260.000.000 đồng đến nay chưa trả. Do đó yêu cầu của chị B là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị B, buộc chị H và anh L có trách nhiệm

trả cho chị B số tiền 260.000.000 đồng tiền vay còn nợ. Riêng tiền lãi suất chị B không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

- Đối với chị H cho rằng số tiền 260.000.000 đồng thực tế chị và anh L vay mượn cách đây hơn 10 năm, lãi suất thỏa thuận miệng 09%/ tháng và chị đã trả lãi suất cho chị B từ năm 2012 đến năm ngày 30/9/2017 là 1.341.000.000 đồng. Đến năm 2017 do không còn khả năng trả nữa nên hai bên kết thúc lại rồi làm giấy nợ vợ chồng chị ký tên xác nhận. Hơn nữa chị cho rằng số tiền lãi mà chị đã trả vượt quá số vốn ban đầu nên chị không đồng ý trả. Xét thấy quá trình giải quyết vụ án, ngày 07/01/2019 Thẩm phán ra quyết định số 01 yêu cầu cung cấp tài liệu chứng cứ nhưng chị H không cung cấp được. Tại phiên tòa chị cho rằng đã trả cho chị B 10.000.000 đồng tiền nợ gốc, tuy nhiên chị không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình và chị B không thừa nhận nên lời trình bày của chị H là không có căn cứ.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về nội dung vụ án: Chị B yêu cầu chị H và anh L trả lại tiền nợ gốc là 260.000.000 đồng. Ngược lại chị H và anh L thừa nhận chỉ còn nợ 250.000.000 đồng, tuy nhiên phần tiền lãi suất mà chị H đã trả cho chị B 1.341.000.000 đồng là quá cao so với quy định của pháp luật, sau khi khấu trừ tiền nợ gốc vẫn còn thừa. Do đó anh chị không còn nợ chị B, đối với khoản tiền còn thừa chị H không yêu cầu chị B trả lại. Xét yêu cầu của nguyên đơn thì thấy:

[2] Qua thu thập tài liệu, chứng cứ thể hiện:

Chị B có cho chị H và anh L vay 04 lần tổng cộng số tiền 260.000.000 đồng: Ngày 30/10/2017 âm lịch vay 80.000.000 đồng, ngày 02/11/2017 dương lịch vay 50.000.000 đồng, ngày 03/11/2017 âm lịch vay 50.000.000 đồng và ngày 05/11/2017 âm lịch vay 80.000.000 đồng và chị B đã cung cấp 04 giấy mượn tiền do chị H và anh L ký tên. Tại bản tự khai ngày 21/12/2018 và biên bản hòa giải ngày 27/12/2018 chị H đã thừa nhận có mượn chị B số tiền 260.000.000 đồng, tuy nhiên chị không đồng ý lập biên bản hòa giải thành và tại phiên tòa chị thừa nhận chữ ký trong 04 giấy mượn tiền là của vợ chồng chị. Do đó yêu cầu của chị B là có căn cứ.

Xét lời trình bày của chị H, trong quá trình giải quyết vụ án chị cho rằng số tiền vay mà chị B khởi kiện thực tế vay vào năm 2012, thỏa thuận miệng lãi suất 09%/ tháng và chị đã trả lãi cho các khoản vay từ năm 2012 đến ngày 30/9/2017 tổng cộng 1.341.000.000 đồng, tại phiên tòa chị cho rằng đã trả cho chị B 10.000.000 đồng tiền nợ gốc. Tuy nhiên chị không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho lời trình bày của mình trong khi chị B không thừa nhận nên lời trình bày của chị H là không có cơ sở. Do đó Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị B, buộc chị H và anh L có nghĩa vụ trả cho chị B số tiền nợ gốc là 260.000.000 đồng là phù hợp theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự.

[3] Đối với khoản tiền lãi suất còn thừa lại sau khi đã khấu trừ vào tiền nợ gốc. Xét thấy chị H không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Án phí: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị B nên chị H và anh L phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*Vì các lẽ trên,*

## QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 463 và 466 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản" của chị Đặng Thị B đối với chị Hồ Thị H và anh Hồ Văn L.

Buộc chị Hồ Thị H và anh Hồ Văn L có nghĩa vụ trả cho Đặng Thị B số tiền nợ gốc là 260.000.000 (hai trăm sáu mươi triệu) đồng.

Kể từ ngày chị B có đơn yêu cầu thi hành án, cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng chị H và anh L còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Án phí: Buộc chị Hồ Thị H và anh Hồ Văn L phải chịu 13.000.000 (mười ba triệu) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị B được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà chị đã nộp 6.500.000 đồng theo biên lai thu số 0008403 ngày 10-12-2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Gò Dầu.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**Nơi nhận**:
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- Chi cục THADS huyện Gò Dầu
- Các đương sự;
- Lưu.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Vui**